

TỜ TRÌNH

Về điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2022 và thông qua Kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn vốn ngân sách tỉnh quản lý (lần 2)

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XVIII

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 2048/QĐ-TTg ngày 06/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư nguồn ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 71/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh của HĐND tỉnh về ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch đầu tư công năm 2022 tỉnh Quảng Bình (nguồn ngân sách tỉnh quản lý);

Căn cứ Thông báo kết luận số 522-TB/TU ngày 20/5/2022 của Tỉnh ủy Quảng Bình thông báo kết luận Hội nghị lần thứ 32 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phương án phân bổ Kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách tỉnh quản lý giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 (lần 2);

Căn cứ Nghị quyết số...../NQ-HĐND ngày /5/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công giai đoạn 2021-2025 (lần 2);

Căn cứ Nghị quyết số/NQ-HĐND ngày .../5/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách tỉnh quản lý (lần 2);

UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết về Kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn ngân sách tỉnh quản lý (lần 2) với nội dung sau:

1. Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công 2022:

Điều chỉnh giảm Kế hoạch vốn năm 2022 (lần 1) tại Phụ lục số 6, Nghị quyết số 45/NQ-HĐND 10/12/2021 của HĐND tỉnh với số tiền 21.500 triệu đồng. Bổ sung số vốn này vào Kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn ngân sách tỉnh quản lý (lần 2) để phân bổ chi tiết.

(Chi tiết tại phụ lục 1 kèm theo)



2. Nguồn vốn phân bổ:

Tổng nguồn vốn đầu tư công năm 2022 nguồn ngân sách tỉnh quản lý (lần 2) là 157.403 triệu đồng, trong đó:

- Số vốn còn lại chưa phân bổ tại Phụ lục 7, Nghị quyết 45/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh là 135.903 triệu đồng.

- Số vốn bổ sung do điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 nguồn vốn ngân sách tỉnh quản lý: 21.500 triệu đồng.

3. Nguyên tắc và thứ tự ưu tiên phân bổ:

- Thực hiện theo đúng các nội dung Nghị quyết 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ; Nghị quyết 71/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh; Quyết định số 32/2020/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn NSNN giai đoạn 2021-2025.

- Thực hiện các dự án quan trọng, có tính lan tỏa, sử dụng nguồn vốn đầu tư công để thu hút nguồn vốn đầu tư xã hội; các dự án cấp thiết phục vụ đời sống, sản xuất; phát huy được hiệu quả nguồn vốn góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội.

- Ưu tiên đầu tư cho các lĩnh vực theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, trong đó quan tâm các lĩnh vực: y tế, văn hoá- thể thao, khoa học công nghệ, hạ tầng kỹ thuật kinh tế-xã hội...; tập trung hoàn thành cho các dự án phục vụ phát triển KT-XH của các sở, ngành.

- Đối với các dự án hỗ trợ các huyện, thị xã, thành phố: Các dự án công trình quan trọng, cấp tỉnh hỗ trợ cho cấp huyện có tổng mức đầu tư từ 15 tỷ đồng trở lên, đầu tư dứt điểm, không dàn trải, phục vụ ngay cho nhu cầu phát triển.

4. Phương án phân bổ: Phương án phân bổ chi tiết và danh mục các dự án thuộc Kế hoạch đầu tư công năm 2022 tỉnh Quảng Bình nguồn vốn ngân sách tỉnh quản lý (lần 2) tại Phụ lục kèm theo, trong đó:

- Số vốn còn lại bố trí thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư cho các dự án khởi công mới trong năm 2023 (Phụ lục 1 đến 8);

- Bổ sung vốn cho các dự án đã phê duyệt dự án có khả năng giải ngân nhanh (Phụ lục 9).

5. Nội dung của Nghị quyết:

Dự thảo Nghị quyết gồm 04 Điều, trong đó:

Điều 1. Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công 2022 nguồn Ngân sách tỉnh quản lý.

Điều 2. Thông qua Kế hoạch đầu tư công năm 2022 tỉnh Quảng Bình nguồn Ngân sách tỉnh quản lý (lần 2).

Điều 3. Tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Điều 4. Hiệu lực thi hành của Nghị quyết.

(Có Dự thảo Nghị quyết kèm theo)

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH& HĐND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Sở KH&ĐT;
- Lưu: VT, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



***Phan Mạnh Hùng**

PHỤ LỤC 1: ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022 NGUỒN NGÂN SÁCH TỈNH

(Kèm theo Tờ trình số 873/TTr-UBND ngày 23 tháng 05 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục Dự án	Địa điểm XD	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			KH vốn năm 2022 đã cân đối	Điều chỉnh		KH vốn năm 2022 điều chỉnh
					Số QĐ; ngày tháng năm ban hành	TMĐT			Giảm (-)	Tăng (+)	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NST				
	TỔNG SỐ					2.412.575	2.412.575	159.903	21.500	21.500	159.903
	Nguồn đầu tư công ngân sách tỉnh năm 2022 tại Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 10/12/2021					2.412.575	2.412.575	159.903	21.500	21.500	159.903
1	Cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc UBND tỉnh (tại Phụ lục 6 Nghị quyết)	Đồng Hới	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021;/NQ-HĐND ngày 27/5/2022	30.000	30.000	24.000	21.500		2.500
2	Các nguồn vốn năm 2022 sẽ phân bổ sau khi hoàn thiện thủ tục đầu tư (Phụ lục 7 Nghị quyết)	Toàn tỉnh				2.382.575	2.382.575	135.903		21.500	157.403

PHỤ LỤC 2: KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022 LĨNH VỰC Y TẾ

(Kèm theo Tờ trình số 873/TTr-UBND ngày 23 tháng 05 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

DVT: Triệu đồng

TT	Đanh mục	Địa điểm	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2022 (CBĐT)	Ghi chú	
					QĐ chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư			
						Tổng số			Trong đó: NS tỉnh
	Tổng cộng					326.600	326.600	14.720	
1	Xây dựng Bệnh viện Đa khoa huyện Quảng Ninh (cơ sở 2)	Quảng Ninh	2023	2025		120.000	120.000	1.000	
2	Cải tạo, nâng cấp trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Quảng Bình	Đồng Hới	2022	2023		3.000	3.000	1.000	Bổ trí vốn thực hiện dự án
3	Xây dựng mới nhà cận lâm sàng phòng khám đa khoa Khu vực Hóa Tiến, huyện Minh Hóa	Minh Hóa	2023	2025		6.000	6.000	300	
4	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm và các Trạm Y tế thuộc Trung tâm Y tế huyện Minh Hóa	Minh Hóa	2023	2024		6.000	6.000	340	
5	Đầu tư xây dựng Khu kỹ thuật và điều trị liên chuyên khoa, bệnh viện đa khoa huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2023	2025		50.000	50.000	1.500	
6	Đầu tư Xây dựng khuôn viên hạ tầng kỹ thuật, khu khám và điều trị phòng khám đa khoa khu vực Thanh Lạng, xã Thanh Hóa	Tuyên Hóa	2023	2025		6.000	6.000	300	
7	Đầu tư xây dựng mới và cải tạo, nâng cấp Trung tâm và các trạm y tế thuộc trung tâm y tế huyện Tuyên hóa	Tuyên Hóa	2023	2025		22.000	22.000	1.160	
8	Cải tạo, nâng cấp các Trạm Y tế thuộc Trung tâm Y tế huyện Quảng Trạch	Quảng Trạch	2023	2024		11.000	11.000	580	

TT	Danh mục	Địa điểm	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2022 (CBĐT)	Ghi chú	
					QĐ chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư			
						Tổng số			Trong đó: NS tỉnh
9	Đầu tư xây dựng mới và cải tạo, nâng cấp Trung tâm và các trạm y tế thuộc trung tâm y tế thị xã Ba Đồn	Ba Đồn	2023	2025		22.000	22.000	660	
10	Nhà điều trị và hạ tầng kỹ thuật Bệnh viện đa khoa huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2023	2025		11.000	11.000	4.400	Bổ trí vốn thực hiện dự án
11	Đầu tư xây dựng mới và cải tạo, nâng cấp các trạm y tế thuộc trung tâm y tế huyện Bố Trạch	Bố Trạch	2023	2025		15.500	15.500	830	
12	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm và các Trạm Y tế thuộc TTYT thành phố Đồng Hới	Đồng Hới	2023	2024		7.000	7.000	300	
13	Đầu tư xây dựng mới và cải tạo, nâng cấp Trung tâm và các trạm y tế thuộc trung tâm y tế huyện Quảng Ninh	Quảng Ninh	2023	2025		15.100	15.100	450	
14	Đầu tư xây dựng mới và cải tạo, nâng cấp Trung tâm và các trạm y tế thuộc trung tâm y tế huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2023	2025		32.000	32.000	1.900	

**PHỤ LỤC 3: KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022 LĨNH VỰC VĂN HÓA, THỂ THAO,
KHOA HỌC CÔNG NGHỆ**

(Kèm theo Tờ trình số 873/TTr-UBND ngày 23 tháng 05 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng


TT	Danh mục	Địa điểm	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2022 (CBĐT)
					QĐ chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư		
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh	
	Tổng cộng					242.000	242.000	6.200
1	Bảo tồn, tôn tạo, giữ gìn bảo vệ cảnh quan môi trường cho di tích khảo cổ Bàu Tró	Đồng Hới	2023	2025		50.000	50.000	1.500
2	Xây dựng Trung tâm thể dục thể thao huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2023	2025		75.000	75.000	1.000
3	Nhà thi đấu đa năng và các công trình phụ trợ, thị xã Ba Đồn	Ba Đồn	2023	2025		75.000	75.000	500
4	Sân vận động trung tâm huyện Bố Trạch	Bố Trạch	2023	2025		25.000	25.000	500
5	Cải tạo, nâng cấp trụ sở Sở Khoa học công nghệ	Đồng Hới	2022	2023		7.000	7.000	2.500
6	Đầu tư hệ thống Trung tâm chuẩn, thiết bị đo lường, thử nghiệm	Đồng Hới	2023	2025		10.000	10.000	200

PHỤ LỤC 4: KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022 LĨNH VỰC THỦY LỢI, NƯỚC SẠCH VSMT

(Kèm theo Tờ trình số 873/TTr-UBND ngày 23 tháng 05 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

DVT: Triệu đồng

TT	Danh mục	Địa điểm	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2022 (CBDT)	
					QĐ chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư		
						Tổng số		Trong đó: NS tỉnh
	Tổng cộng					194.000	194.000	11.550
1	Xây dựng hệ thống kênh mương và hệ thống đập tràn hồ chứa nước Tróc Trâu (Giai đoạn 2)	Quảng Ninh	2023	2025		28.000	28.000	3.000
2	Kè chống sạt lở đồi núi Thị trấn Quy Đạt, huyện Minh Hóa (giai đoạn 1)	Minh Hóa	2023	2025		17.500	17.500	1.200
3	Xây dựng Kè biển Hải Trạch, xã Hải Phú	Bố Trạch	2023	2025		20.000	20.000	600
4	Xây dựng kè chống sạt lở các xã Hiền Ninh, Trường Xuân	Quảng Ninh	2023	2025		18.000	18.000	1.200
5	Xây dựng Hồ Khe Luốc và Kè Tam Hương, huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2023	2025		15.000	15.000	850
6	Xây dựng, nạo vét và gia cố kênh thoát lũ từ cầu Mệ Sói đến thôn Rẫy Cau (đoạn từ cầu Rẫy Cau đến đường Nguyễn Đóa)	Đông Hới	2023	2025		15.000	15.000	200
7	Tuyến mương thoát lũ, đường và kè khu vực Đồng Láng, xã Hải Phú, huyện Bố Trạch	Bố Trạch	2023	2025		15.000	15.000	300


TT		Địa điểm	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2022 (CBĐT)	
					QĐ chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư		
						Tổng số		Trong đó: NS tỉnh
8	Nâng cấp, mở rộng công trình nước sạch nông thôn	các huyện	2023	2025		23.000	23.000	700
9	Kè chống sạt lở bờ suối xã Hóa Sơn, huyện Minh Hóa	Minh Hóa	2023	2025		17.500	17.500	1.300
10	Xây dựng Kênh tưới Nguyệt Áng - Thế Lộc - Tân Thành, xã Tân Ninh, huyện Quảng Ninh	Quảng Ninh	2023	2025		10.000	10.000	1.000
11	Kè chống sạt lở bờ suối tại thị trấn Quy Đạt, huyện Minh Hóa	Minh Hóa	2023	2025		15.000	15.000	1.200

PHỤ LỤC 5: KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022 LĨNH VỰC GIAO THÔNG VẬN TẢI


(Kèm theo Tờ trình số 873/TTr-UBND ngày 23 tháng 05 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

DVT: Triệu đồng


TT	Danh mục	Địa điểm	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2022 (CBĐT)
					QĐ chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư		
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh	
TỔNG CỘNG						1.120.000	1.100.000	41.530
1	Nâng cấp tuyến Đường tỉnh 562 đoạn Km17+200 - Km41+200	Bố Trạch	2023	2025		120.000	120.000	800
2	Hệ thống hạ tầng kỹ thuật đường hai đầu cầu Cồn Năm xã Quảng Minh, thị xã Ba Đồn	Ba Đồn	2023	2025		20.000	20.000	420
3	Đường giao thông từ thị trấn Đồng Lê đi xã Thuận Hóa, huyện Tuyên Hóa	Tuyên Hóa	2023	2025		20.000	20.000	1.000
4	Đầu tư xây dựng đường nối từ trục N2 đi các xã phía Bắc và kết nối với trục B2 trước nhà máy may, huyện Quảng Trạch	Quảng Trạch	2023	2025		40.000	40.000	3.510
5	Tuyến đường từ ngã tư trung tâm thị trấn Quy Đạt đi tổ dân phố 2, huyện Minh Hóa	Minh Hóa	2023	2025		22.000	22.000	900
6	Xây dựng hệ thống đường giao thông các xã Hàm Ninh, Võ Ninh, Duy Ninh	Quảng Ninh	2023	2025		28.000	28.000	1.500

TT		Địa điểm	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2022 (CBĐT)
					QĐ chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư		
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh	
7	Xây dựng hệ thống đường giao thông các xã Sơn Thủy, Hoa Thủy, Thị trấn Nông trường Lệ Ninh	Lệ Thủy	2023	2025		34.000	34.000	1.800
8	Cầu thôn Ba Đa, xã Nghĩa Ninh, thành phố Đồng Hới	Đồng Hới	2023	2025		28.000	28.000	500
9	Hoàn thiện các tuyến đường giao thông nội thị tại thị trấn Hoàn Lão, huyện Bố Trạch	Bố Trạch	2023	2025		40.000	40.000	800
10	Đầu tư xây dựng đường Triệu Quang Phục, Phường Bắc Nghĩa	Đồng Hới	2023	2025		30.000	30.000	500
11	Đường Nguyễn Hữu Cảnh nối dài, đoạn từ ngã tư Võ Nguyên Giáp đi quốc lộ 1A, thị xã Ba Đồn	Ba Đồn	2023	2025		27.000	27.000	470
12	Đầu tư xây dựng hạ tầng tuyến đường từ chợ Quảng Lưu đi Trung tâm xã Quảng Thạch kết nối tỉnh lộ 22	Quảng Trạch	2023	2025		28.000	28.000	1.540
13	Xây dựng các tuyến đường xã Mai Hóa, huyện Tuyên Hóa	Tuyên Hóa	2023	2025		15.000	15.000	540
14	Tuyến đường nối đường Hai Bà Trưng đến trường Mầm non số 1 thị trấn Quy Đạt, huyện Minh Hóa	Minh Hóa	2023	2025		20.000	20.000	800

TT	Danh mục	Địa điểm	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2022 (CBĐT)	
					QĐ chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư		
						Tổng số		Trong đó: NS tỉnh
15	Tuyến đường liên xã Hải Phú đi Sơn Lộc (đoạn từ Sơn Lộc đi ngã ba Thọ Lộc)	Bố Trạch	2023	2025		19.000	19.000	500
16	Tuyến đường kết nối trung tâm thị xã Ba Đồn đi trung tâm huyện Quảng Trạch	Ba Đồn	2023	2025		27.000	27.000	450
17	Đầu tư xây dựng các tuyến đường xã Quảng Châu, huyện Quảng Trạch	Quảng Trạch	2023	2025		16.000	16.000	980
18	Xây dựng tuyến đường giao thông từ xã Phúc Trạch đi các xã Lâm Trạch và Liên Trạch, huyện Bố Trạch	Bố Trạch	2023	2025		15.000	15.000	400
19	Đầu tư xây dựng đường giao thông liên xã Lê Hóa - Kim Hóa	Tuyên Hóa	2023	2025		30.000	30.000	1.200
20	Tuyến đường giao thông xã Hóa Thanh, huyện Minh Hóa	Minh Hóa	2023	2025		15.000	15.000	700
21	Đường giao thông liên xã từ Hoàn Lão đi Tây Trạch	Bố Trạch	2023	2025		20.000	20.000	400
22	Đường liên xã Quảng Tiên đi Quảng Trung, thị xã Ba Đồn	Ba Đồn	2023	2025		15.000	15.000	500

TT		Địa điểm	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2022 (CBĐT)
					QĐ chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư		
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh	
23	Xây dựng hệ thống đường giao thông các xã Trường Thủy, Thái Thủy và Dương Thủy	Lệ Thủy	2023	2025		30.000	30.000	1.150
24	Đầu tư xây dựng các tuyến đường tại xã Quảng Lưu và xã Quảng Hợp, huyện Quảng Trạch	Quảng Trạch	2023	2025		15.000	15.000	650
25	Đầu tư các tuyến đường trên địa bàn xã Phong Hóa và Hương Hóa, huyện Tuyên Hóa	Tuyên Hóa	2023	2025		24.000	24.000	1.150
26	Xây dựng đường liên xã Dinh Mười đi Tân Định	Quảng Ninh	2023	2025		15.000	15.000	1.000
27	Đường nối từ Trung tâm giáo dục dạy nghề đi thị trấn Đồng Lê, huyện Tuyên Hóa	Tuyên Hóa	2023	2025		20.000	20.000	880
28	Cầu vượt lũ Tân Lý, xã Minh Hóa, huyện Minh Hóa	Minh Hóa	2023	2025		20.000	20.000	900
29	Tuyến đường từ Trung tâm xã Tây Trạch đi đường Hồ Chí Minh, huyện Bố Trạch	Bố Trạch	2023	2025		15.000	15.000	400
30	Đầu tư xây dựng tuyến đường từ trung tâm huyện đi các xã phía Đông Bắc huyện Quảng Trạch	Quảng Trạch	2023	2025		25.000	15.000	3.930

TT	Danh mục	Địa điểm	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2022 (CBĐT)	
					QĐ chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư		
						Tổng số		Trong đó: NS tỉnh
31	Đầu tư xây dựng đường từ phường Quảng Thọ đến Trạm biên phòng Cảng Gianh phường Quảng Phúc	Ba Đồn	2023	2025		37.000	37.000	600
32	Xây dựng tuyến đường từ cầu Hói Cừa, xã An Thủy đi phía tây huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2023	2025		17.000	17.000	590
33	Tuyến đường giao thông đường Võ Thị Sáu, Phường Quảng Thuận, thị xã Ba Đồn	Ba Đồn	2023	2025		15.000	15.000	400
34	Đầu tư xây dựng các tuyến đường xã Quảng Xuân, huyện Quảng Trạch	Quảng Trạch	2023	2025		22.000	22.000	1.370
35	Xây dựng các tuyến đường giao thông trên địa bàn xã Cao Quảng, huyện Tuyên Hóa	Tuyên Hóa	2023	2025		15.000	15.000	820
36	Đầu tư xây dựng tuyến đường xã Yên Hóa	Mình Hóa	2023	2025		22.000	22.000	1.000
37	Xây dựng tuyến đường 30 nối QL1A với đường về nhà lưu niệm Đại tướng Võ Nguyên Giáp	Lệ Thủy	2023	2025		28.000	28.000	950

TT		Địa điểm	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2022 (CBĐT)
					QĐ chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư		
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh	
38	Hệ thống hạ tầng kỹ thuật cầu kết hợp đường 2 đầu cầu qua thôn Minh Tiến, xã Quảng Minh, thị xã Ba Đồn	Ba Đồn	2024	2026		55.000	45.000	500
39	Xây dựng tuyến đường cứu hộ, cứu nạn các xã phía nam huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2023	2025		15.000	15.000	450
40	Xây dựng hệ thống đường giao thông các xã An Ninh, Vạn Ninh, Tân Ninh, Xuân Ninh	Quảng Ninh	2023	2025		23.000	23.000	1.500
41	Xây dựng tuyến đường giao thông kết nối Đường Hồ Chí Minh vào trung tâm Thị trấn Nông Trường Việt Trung	Bố Trạch	2023	2025		15.000	15.000	300
42	Đường nối từ Hà Nam vào Trung tâm xã Thạch Hóa, huyện Tuyên Hóa	Tuyên Hóa	2023	2025		15.000	15.000	580
43	Tuyến đường từ cầu Ngâm Rinh - Thanh Liêm, xã Trung Hóa, huyện Minh Hóa	Minh Hóa	2023	2025		15.000	15.000	700
44	Xây dựng Cầu và đường hai đầu cầu Trường Sơn thuộc tuyến đường Trường Xuân - Trường Sơn	Quảng Ninh	2023	2025		33.000	33.000	1.500

PHỤ LỤC 6: KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022 LĨNH VỰC HẠ TẦNG KỸ THUẬT*(Kèm theo Tờ trình số 873/TTr-UBND ngày 23 tháng 05 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)**ĐVT: Triệu đồng*

TT	Danh mục	Địa điểm	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2022 (CBĐT)	
					QĐ chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư		
						Tổng số		Trong đó: NS tỉnh
	Tổng cộng					208.575	208.575	13.293
1	Hệ thống hạ tầng kỹ thuật từ thị trấn Đồng Lê đi xã Sơn Hóa, huyện Tuyên Hóa	Tuyên Hóa	2023	2025		25.000	25.000	1.100
2	Hệ thống thoát nước mưa và hệ thống thoát nước thải tại trung tâm huyện lỵ mới huyện Quảng Trạch	Quảng Trạch	2023	2025		28.000	28.000	2.500
3	Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng trên địa bàn huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2023	2025		10.000	10.000	450
4	Chỉnh trang đô thị đoạn tuyến Quốc lộ 1 thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	Đồng Hới	2022	2024		20.000	20.000	5.043
5	Hệ thống trang trí đèn LED dọc sông Nhật Lệ (Đoạn từ thôn Mỹ Cảnh đến thôn Hà Thôn, xã Bảo Ninh)	Đồng Hới	2023	2025		15.000	15.000	200
6	Xây dựng khu tái định cư di dời các hộ dân bị ảnh hưởng bởi nhà máy xi măng Áng Sơn, xã Vạn Ninh, huyện Quảng Ninh	Quảng Ninh	2023	2025		9.000	9.000	1.000
7	Chỉnh trang đô thị đường Trương Pháp	Đồng Hới	2023	2025		36.575	36.575	500
8	Xây dựng hạ tầng và đường giao thông kết nối Bệnh viện Đa khoa huyện Quảng Ninh	Quảng Ninh	2023	2025		65.000	65.000	2.500

PHỤ LỤC 7: KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022 LĨNH VỰC DU LỊCH

(Kèm theo Tờ trình số 873/TTr-UBND ngày 23 tháng 05 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục	Địa điểm	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2022 (CBĐT)
					QĐ chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư		
						Tổng số	Trong đó: NS tỉnh	
	Tổng cộng					79.500	59.500	2.300
1	Xây dựng Trung tâm thông tin và hỗ trợ khách Du lịch tại Phong Nha Kẻ Bàng	Bố Trạch	2023	2025		12.500	12.500	500
2	Xây dựng Quảng trường biển, thị xã Ba Đồn	Ba Đồn	2023	2025		45.000	25.000	500
3	Xây dựng hệ thống đường giao thông các xã Lương Ninh, Vĩnh Ninh và Trường Xuân	Quảng Ninh	2023	2025		22.000	22.000	1.300

PHỤ LỤC 8: KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022 LĨNH VỰC KHÁC

(Kèm theo Tờ trình số 873/TTr-UBND ngày tháng 05 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

DVT: Triệu đồng

TT	Danh mục	Địa điểm	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2022 (CBDT)	
					QĐ chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư		
						Tổng số		Trong đó: NS tỉnh
	Tổng cộng					103.500	103.500	4.860
1	Chương trình Phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025	Toàn tỉnh	2023	2025		25.000	25.000	1.200
2	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho BQL Khu DTTN Động Châu-Khe Nước Trong	Lệ Thủy	2023	2025		20.000	20.000	900
3	Xây dựng khu tạm lánh, nhà ăn cho đối tượng người lang thang cơ nhỡ	Đồng Hới	2023	2025		7.000	7.000	350
4	Cầu kiểm soát Cửa Sông Gianh	Ba Đồn	2023	2025		15.000	15.000	500
5	Xây dựng phòng học bộ môn Trường THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp (Giai đoạn 2)	Đồng Hới	2023	2025		9.000	9.000	410
6	Xây dựng Ký túc xá sinh viên Trường Cao đẳng Y tế Quảng Bình	Đồng Hới	2023	2025		12.500	12.500	500
7	Xây dựng Trụ sở xã Ngự Thủy	Lệ Thủy	2023	2025		15.000	15.000	1.000

PHỤ LỤC 9: KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022 THỰC HIỆN DỰ ÁN
(Kèm theo Tờ trình số 873/TTr--UBND ngày 23/5/2022 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			KH năm 2022 (thực hiện DA)
					QĐ chủ trương đầu tư	TMĐT		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	
TỔNG CỘNG						282.800	266.800	62.950
1	Đường phòng cháy, chữa cháy kết hợp tuần tra bảo vệ rừng và du lịch sinh thái từ km3 Đường Hồ Chí Minh nhánh Tây đến sân bay Khe Gát	Bố Trạch	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	30.000	30.000	7.500
2	Xây dựng mới các Trạm và Chốt Kiểm lâm (Trạm Kiểm lâm Thượng Hóa, Trạm Kiểm lâm Khe Gát, Chốt Kiểm lâm Cây Ngá, Chốt Kiểm lâm 39, Chốt Kiểm lâm và Điểm dừng chân Trạ Ang)	Bố Trạch, Minh Hóa	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	25.000	25.000	4.000
3	Sửa chữa, mở rộng Đàng ủy khối Doanh nghiệp	Đồng Hới	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	10.000	10.000	5.000
4	Nâng cấp, triển khai, nhân rộng phần mềm quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Quảng Bình	Đồng Hới	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	4.500	4.500	1.650
5	Chỉnh trang đô thị đoạn tuyến Quốc lộ 1 thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	Đồng Hới	2023	2025		36.000	20.000	5.000
6	Nâng cấp, xây dựng mới các hạt, trạm kiểm lâm thuộc chi cục Kiểm Lâm	Bố Trạch, Tuyên Hóa, Minh Hóa	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2020	14.800	14.800	4.000
7	Nhà nội trú giáo viên 2 tầng 20 phòng và hạ tầng kỹ thuật Trường THCS&THPT Bắc Sơn	Tuyên Hóa	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	9.000	9.000	1.800
8	Nhà lớp học, nhà hiệu bộ và hạ tầng kỹ thuật Trường THPT Trần Hưng Đạo	Lệ Thủy	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	7.500	7.500	1.500
9	Nhà Lớp học bộ môn 3 tầng 9 phòng Trường THPT Lương Thế Vinh	Ba Đồn	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	8.500	8.500	2.000
10	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng Trường THPT Phan Bội Châu	Tuyên Hóa	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	7.000	7.000	3.000

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			KH năm 2022 (thực hiện DA)
					QĐ chủ trương đầu tư	TMĐT		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	
11	Dãy nhà 3 tầng 18 phòng học Trường THPT Quang Trung	Quảng Trạch	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	12.000	12.000	5.000
12	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng học Trường THPT Lê Trực	Tuyên Hóa	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	7.000	7.000	3.000
13	Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng Trường THCS và THPT Dương Văn An	Lệ Thủy	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	8.000	8.000	3.000
14	Nhà lớp học bộ môn 8 phòng Trường THCS&THPT Trung Hóa	Minh Hóa	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	7.500	7.500	1.500
15	Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng Trường THPT Nguyễn Trãi	Bố Trạch	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	8.000	8.000	1.500
16	Cải tạo khu Ký túc xá học sinh Trường PTDTNT tỉnh Quảng Bình	Đồng Hới	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	5.000	5.000	2.500
17	Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng Trường THPT Hùng Vương	Bố Trạch	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	8.000	8.000	1.500
18	Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng Trường THPT Ngô Quyền	Bố Trạch	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	8.000	8.000	1.500
19	Đường từ nhánh Đông đường Hồ Chí Minh vào Khu du lịch sinh thái Trầm Mè (gd2)	Bố Trạch	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021	20.000	20.000	1.500
20	Đầu tư xây dựng Trung tâm một cửa liên thông công an tỉnh	Đồng Hới	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2022	28.000	28.000	3.000
21	Đường tuần tra bảo vệ rừng kết hợp du lịch sinh thái Khe Nước Trong thuộc khu DTTN Động Châu-Khe Nước Trong	Lệ Thủy	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2022	12.000	12.000	2.000
22	Nâng cấp, sửa chữa một số hạng mục trung tâm giáo dục dạy nghề và hỗ trợ nông dân - Phụ nữ Quảng Bình	Đồng Hới	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2022	7000	7000	1.500

NGHỊ QUYẾT

Về điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2022 và thông qua Kế hoạch đầu tư công năm 2022 (lần 2) nguồn vốn ngân sách tỉnh quản lý

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 5

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 2048/QĐ-TTg ngày 06/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư nguồn ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 71/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh của HĐND tỉnh về ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (nguồn ngân sách tỉnh quản lý);

Căn cứ Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch đầu tư công năm 2022 tỉnh Quảng Bình (nguồn ngân sách tỉnh quản lý);

Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày .../5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết về Kế hoạch đầu tư công năm 2022 tỉnh Quảng Bình nguồn vốn ngân sách tỉnh quản lý (lần 2); sau khi nghe Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế ngân sách; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh giảm Kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn ngân sách tỉnh quản lý (lần 1) tại với số vốn 21.500 triệu đồng. Bổ sung số vốn này vào Kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn ngân sách tỉnh quản lý (lần 2) để phân bổ chi tiết.

Điều 2. Thông qua Kế hoạch đầu tư công năm 2022 tỉnh Quảng Bình nguồn vốn ngân sách tỉnh quản lý (lần 2) tại phụ lục 7 Nghị quyết 45/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 với số tiền 157.403 triệu đồng.

- Phương án phân bổ chi tiết và danh mục các dự án thuộc Kế hoạch đầu tư công năm 2022 tỉnh Quảng Bình nguồn vốn ngân sách tỉnh quản lý (lần 2) tại Phụ lục kèm theo.

Điều 3. Hội đồng nhân dân giao Ủy ban nhân dân tỉnh:

Triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các đại biểu HĐND tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết này. Đối với các nguồn vốn chưa phân bổ chi tiết, lập phương án phân bổ theo đúng mục tiêu đã được HĐND tỉnh thông qua.

Trong quá trình thực hiện nếu có những vấn đề phát sinh, Ủy ban dân nhân tỉnh phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh để xem xét, giải quyết theo thẩm quyền và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

Điều 4. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khóa XVIII, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 27 tháng 05 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và đầu tư; Bộ Tài chính;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban và các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Báo Quảng Bình; Đài PT-TH QB;
- Trung tâm Tin học – Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, CT HĐND tỉnh.

CHỦ TỊCH